

DANH SÁCH CÔNG CHỨC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG NĂM 2025
ĐỦ ĐIỀU KIỆN NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN THEO CHỈ TIÊU NĂM 2024

1. Danh sách cán bộ, công chức Sở hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2025

Số TT	Họ và tên	Mã ngạch	Hiện hưởng				Thực hiện năm 2025				Ghi chú
			Thời điểm để tính	Bậc lương	Hệ số	Phụ cấp TNVK	Thời điểm tính lần sau	Bậc lương	Hệ số	Phụ cấp TNVK	
1	Trần Xuân Quyết	01.003	01/04/2024	9	4,98	13%	01/04/2025	9	4,98	14%	
2	Vũ Hồng Thái	01.003	01/04/2022	9	4,98	0%	01/04/2025	9	4,98	5%	Hưởng lần đầu phụ cấp thâm niên vượt khung

2. Danh sách cán bộ, công chức Sở đủ điều kiện nâng bậc lương thường xuyên năm 2025

Số TT	Họ và tên	Mã ngạch	Hiện hưởng			Thực hiện năm 2025			Ghi chú
			Thời điểm để tính	Bậc lương	Hệ số	Thời điểm tính lần kế tiếp	Bậc lương	Hệ số	
1	Vũ Kim Danh	01.002	01/04/2022	4	5,42	01/04/2025	5	5,76	Đã nâng bậc lương TTH chỉ tiêu năm 2022 – 09 tháng (Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định) tại QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/3/2023
2	Nguyễn Tuấn Song	01.002	01/03/2022	3	5,08	01/03/2025	4	5,42	
3	Phạm Kim Lân	01.002	01/03/2022	4	5,42	01/03/2025	5	5,76	
4	Đỗ Thu Hà	01.003	01/06/2022	8	4,65	01/06/2025	9	4,98	Đã nâng bậc lương TTH chỉ tiêu năm 2022 – 09 tháng (Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định) tại QĐ số 2185/QĐ-SLĐTBXH ngày 28/2/2023
5	Trần Thái Tuệ	01.003	01/07/2022	5	3,66	01/07/2025	6	3,99	
6	Mai Thị Dung	01.003	01/03/2022	5	3,66	01/03/2025	6	3,99	Đã nâng bậc lương TTH chỉ tiêu năm 2021 – 09 tháng (Bằng khen Bộ trưởng Bộ LĐTBXH) tại QĐ số 1356/QĐ-SLĐTBXH ngày 04/3/2022
7	Nguyễn Thị Ninh Giang	01.003	01/06/2022	5	3,66	01/06/2025	6	3,99	
8	Lê Hồng Lâm	04.024	01/04/2022	3	5,08	01/04/2025	4	5,42	
9	Trần Công Anh	04.025	01/06/2022	5	3,66	01/06/2025	6	3,99	
10	Phạm Kim Oanh	04.025	01/10/2022	4	3,33	01/10/2025	5	3,66	

Số TT	Họ và tên	Mã ngạch	Hiện hưởng			Thực hiện năm 2025			Ghi chú
			Thời điểm để tính	Bậc lương	Hệ số	Thời điểm tính lần kế tiếp	Bậc lương	Hệ số	
11	Lưu Thị Thuý Linh	01.004	01/04/2022	5	3,66	01/04/2025	6	3,99	Đã nâng bậc lương TTH chi tiêu năm 2021 – 06 tháng (Giấy khen GD Sở) tại QĐ số 1359/QĐ-SLĐTBXH ngày 04/3/2022
12	Lâm Thị Thảo	01.003	01/10/2022	4	3,33	01/10/2025	5	3,66	
13	Vũ Khắc Duân	01.003	01/06/2022	5	3,66	01/06/2025	6	3,99	
14	Nguyễn Thu Hiền	01.002	01/07/2022	4	5,42	01/07/2025	5	5,76	Đã nâng bậc lương TTH chi tiêu năm 2022 – 09 tháng (Bảng khen Bộ trưởng Bộ LĐTBXH)) tại QĐ số 765/QĐ-SNV ngày 23/3/2023
15	Nguyễn Thu Hà	01.003	01/01/2022	4	3,33	01/01/2025	5	3,66	
16	Phạm Lê Hà	01.002	01/07/2022	4	5,42	01/07/2025	5	5,76	Đã nâng bậc lương TTH chi tiêu năm 2022 – 09 tháng (Bảng khen Bộ trưởng Bộ LĐTBXH)) tại QĐ số 764/QĐ-SNV ngày 23/3/2023
17	Dương Thị Thu Huyền	01.003	01/06/2022	8	4,65	01/06/2025	9	4,98	
18	Hoàng Thị Mai Phương	01.003	01/01/2022	4	3,33	01/01/2025	5	3,66	Đã nâng bậc lương TTH chi tiêu năm 2021 – 09 tháng (Bảng khen Bộ trưởng Bộ LĐTBXH) tại QĐ số 1355/QĐ-SLĐTBXH ngày 04/3/2022
19	Vũ Mạnh Dũng	01.003	01/07/2022	7	4,32	01/07/2025	8	4,65	Đã nâng bậc lương TTH 2 chi tiêu năm 2022 – 09 tháng (Bảng khen Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định) tại QĐ số 2186/QĐ-SLĐTBXH ngày 28/2/2023
20	Nguyễn Thị Tuyết Thêu	01.003	01/05/2022	4	3,33	01/05/2025	5	3,66	
21	Trần Thị Nga	01.003	01/01/2022	4	3,33	01/01/2025	5	3,66	
22	Lưu Thị Yến Ninh	01.003	05/08/2022	1	2,34	05/08/2025	2	2,67	

3. Danh sách cán bộ, công chức Sở đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn thuộc chỉ tiêu năm 2024 (do có thành tích được cấp có thẩm quyền công nhận).

- **Số lượng chỉ tiêu:** 07 người do Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ.
- Không thực hiện hai lần liên tiếp nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ;
- Đối tượng để xét nâng bậc lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc năm 2024 là những cán bộ, công chức đủ điều kiện nâng bậc lương thường xuyên của năm 2025 (tức là thời điểm được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên từ 01/01/2025 đến 31/12/2025);
- Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận thành tích đạt được trong khoảng thời gian 2 lần nâng bậc lương thường xuyên (6 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức

danh có yêu cầu trình độ từ cao đẳng trở lên và 4 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ từ trung cấp trở xuống tính đến ngày 31 tháng 12 của năm 2024).

Căn cứ Quyết định số 13559/QĐ-SLĐTBXH ngày 15/11/2021 của Giám đốc Sở ban hành về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc đối với cán bộ, công chức và người lao động làm việc tại Sở:

1. Điều kiện tiêu chuẩn xét nâng bậc lương trước thời hạn:

- Người đủ tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên, có thành tích xuất sắc nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch và tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn.

- Thành tích được xếp theo thứ tự ưu tiên sau:

Nhóm 12 tháng:

- 1) Huân chương các hạng Nhất, Nhì, Ba.
- 2) Huy chương các loại.
- 3) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

Nhóm 9 tháng:

4) Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở Trung ương hoặc Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh.

Nhóm 6 tháng:

5) Giấy khen của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ngành liên quan thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện thuộc tỉnh hoặc đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

- Không thực hiện hai lần liên tiếp nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trong cùng ngạch hoặc cùng chức danh

- Không vi phạm các hình thức kỷ luật

- Riêng đối với trường hợp đã được nâng bậc lương trước thời hạn thì tất cả các thành tích đạt được trước ngày có quyết định nâng bậc lương trước thời hạn trong khoảng thời gian trên đây không được tính để xét nâng bậc lương trước thời hạn cho lần sau.

2. Ưu tiên trong xét chỉ tiêu

2.1. Xét hết nhóm đối tượng có cấp độ thành tích được nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng mới xét đến nhóm đối tượng có cấp độ thành tích được nâng bậc lương trước thời hạn 09 tháng và cuối cùng là 06 tháng.

2.2. Trường hợp có nhiều người có cấp độ thành tích như nhau nhưng chỉ tiêu còn lại ít hơn số người này thì thứ tự ưu tiên như sau:

a) Người có số lượng thành tích nhiều hơn (cùng cấp độ nhưng số lượng nhiều hơn thì ưu tiên hơn);

b) Người có công trình nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến trong công tác đã được ứng dụng và mang lại hiệu quả, được cấp có thẩm quyền công nhận; Thứ tự ưu tiên theo cấp có thẩm quyền công nhận.

- c) Người có năm thâm niên công tác trong Ngành nhiều hơn và chưa được nâng bậc lương trước thời hạn;
d) Người đã được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp Lao động – Thương binh và Xã hội;
e) Đảng viên được cấp ủy có thẩm quyền tặng khen bằng văn bản; đoàn viên, hội viên thuộc các đoàn thể thuộc sự lãnh đạo của Đảng ủy, được đoàn thể tặng khen bằng văn bản;
g) Trong những người đã được nâng bậc lương trước thời hạn thì ưu tiên người đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn tại lần xét nâng bậc lương trước thời hạn lần trước liền kề nhưng chưa được nâng bậc lương trước thời hạn; Ưu tiên người có thời điểm nâng bậc lương trước thời hạn trước;

Trường hợp vẫn chưa xác định được theo thứ tự ưu tiên ở trên thì hội nghị Lãnh đạo Sở và đại diện Đảng ủy, đại diện BCH Công đoàn Sở xem xét, quyết định.

TT	Họ và tên	Mã ngạch	Hiện giữ			Thành tích						SL thành tích	Kết quả nếu được nâng bậc lương TTH			Năm được xét Nâng lương TTH	Nguyên tắc xếp
			Thời điểm được nâng	Bậc	Hệ số	2019	2020	2021	2022	2023	2024		Bậc	Hệ số	Thời điểm nâng lương kế tiếp		
I	Cùng cấp độ Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (nâng lương trước thời hạn 12 tháng)																
1	Nguyễn Tuấn Song	01.002	01/03/2022	3	5,08	BK TTG							4	5,42	01/03/2024	2019	Nhóm 1
2	Lê Hồng Lâm	04.024	01/04/2022	3	5,08						BK TTG		4	5,42	01/04/2024	2016, 2020	
II	Cùng cấp độ Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh, Bằng khen Bộ (nâng lương trước thời hạn 9 tháng)																
3	Phạm Kim Lân	01.002	01/03/2022	4	5,42	CSTĐ CS GKS	BK Bộ GKS	GKS	GKS	BK Bộ GK CĐ viên chức	GKS	02 BK Bộ 04 GKS 01 CSTĐ	5	5,76	01/06/2024	2014, 2019	Nhóm 2 số lượng cùng thành tích nhiều hơn
4	Trần Thái Tuệ	01.003	01/07/2022	5	3,66	CSTĐ CS	BK Tỉnh, GKS	GKS			BK Tỉnh	02 BK Tỉnh 02 GKS 01 CSĐTD	6	3,99	01/10/2024	2020	
5	Vũ Khắc Duẩn	01.003	01/06/2022	5	3,66	GK Chánh án toà án tỉnh	GK Sở	GK Công đoàn viên chức	CSTĐCS, GK Sở	BK Tỉnh, CSTĐC S	CSTĐCS, Kỷ niệm chương GK Công đoàn viên chức	01 BK tỉnh 03 CSTĐCS 02 GKS 01 kỷ niệm chương 03 GK (phụ)	6	3,99	01/09/2024	2019	Nhím 3 số lượng cùng 1 BK Tỉnh hoặc Bộ Nhưng có nhiều sáng kiến và CSTĐCS và tổng số lượng các hành tích
6	Trần Thị Nga	01.003	01/01/2022	4	3,33	GK Đoàn khối	GK CĐ viên chức tỉnh	CSTĐC S GKS	CSTĐCS BK Bộ GK CĐ viên chức tỉnh		CSTĐCS GKS	01 BK Bộ 03 CSTĐCS 02 GKS 03 GK (phụ)	5	3,66	01/03/2024		

TT	Họ và tên	Mã ngạch	Hiện giữ			Thành tích						SL thành tích	Kết quả nếu được nâng bậc lương TTH			Năm được xét Nâng lương TTH	Nguyên tắc xếp
			Thời điểm được nâng	Bậc	Hệ số	2019	2020	2021	2022	2023	2024		Bậc	Hệ số	Thời điểm nâng lương kế tiếp		
7	Trần Công Anh	04.025	01/06/2022	5	3,66	CSTĐ CS BK Bộ	GK Sở GK Sở	GK Thanh tra tỉnh		GKS	CSTĐCS GK Sở	01 BK Bộ 02 CSTĐCS 04 GKS 01 GK (phụ)	6	3,99	01/09/2024	2019	nhiều hơn
8	Dương Thị Thu Huyền	01.003	01/06/2022	8	4,65					GKS	BK Tỉnh GKS CSTĐCS	01 BK tỉnh 01 CSTĐCS 02 GKS	9	4,98	01/9/2024	2019	
II	Cùng cấp độ Giấy khen (nâng lương TTH 6 tháng)																
9	Nguyễn Thị Ninh Giang	01.003	01/06/2022	5	3,66	GKS, GK công đoàn viên chức tỉnh	GKS	GK công đoàn viên chức tỉnh	GKS	GKS	GKS, GK công đoàn Sở	05 GKS 03 GK (phụ)	6	3,99	01/01/2025	2019	Nhóm 4
10	Nguyễn Thu Hà	01.003	01/01/2022	4	3,33		GKS		GK Sở	GKS	GKS CSTĐCS	04 GKS 01 CSTĐCS	5	3,66	01/07/2024		
11	Lâm Thị Thảo	01.003	01/10/2022	4	3,33	GK Sở GK CĐ viên chức GK Đoàn khối			GK Sở	GK Sở	CSTĐCS	03 GKS 01 CSTĐCS 02 GK (phụ)	5	3,66	01/04/2025	2017	
12	Nguyễn Thị Tuyết Thêu	01.003	01/05/2022	4	3,33					GKS	CSTĐCS	01 GKS 01 CSTĐCS	5	3,66	01/12/2024		
13	Lưu Thị Yến Ninh	01.003	05/08/2022	1	2,34					GKS	GKS	02 GKS	2	2,67	05/02/2025		
14	Phạm Kim Oanh	04.025	01/10/2022	4	3,33					GKS		01 GKS	5	3,66	01/04/2025	2020	

4. Quyết định khen thưởng có tên các đồng chí nêu trên

4.1. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2019	Bằng khen	Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 02/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ
2019	Bằng khen	Quyết định số 112/QĐ-LĐTBXH ngày 03/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - TBXH
2020	Bằng khen	Quyết định số 823/QĐ-LĐTBXH ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động – TBXH (Tổng kết thi đua điển hình tiên tiến)
2020	Bằng khen	Quyết định số 1748/QĐ-LĐTBXH ngày 17/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh (Tổng kết thi đua điển hình tiên tiến)
2022	Bằng khen	Quyết định số 1358/QĐ-LĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – TBXH
2023	Bằng khen	Quyết định số 2023/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – TBXH
2023	Bằng khen	Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh
2024	Bằng khen	Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (khen giảm nghèo)
2024	Bằng khen	Quyết định số 1028/QĐ-TTg ngày 24/09/2024 của Thủ tướng Chính phủ

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2018	Giấy khen	Quyết định số 168/QĐ-LĐTBXH ngày 07/01/2019 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH
2019	Giấy khen	Quyết định số 305/QĐ-LĐTBXH ngày 09/01/2020 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH

2020	Giấy khen	Quyết định số 10.418/QĐ-LĐTBXH ngày 17/7/2020 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH TK thi đua điển hình tiên tiến)
2020	Giấy khen	Quyết định số 19.262/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/12/2020 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH
2021	Giấy khen	Quyết định số 82 /QĐ-SLĐTBXH ngày 06/01/2022 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH
2022	Giấy khen	Quyết định số 55 /QĐ-SLĐTBXH ngày 03/01/2023 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH
2023	Giấy khen	Quyết định số 210 /QĐ-SLĐTBXH ngày 04/01/2024 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH
2024	Giấy khen	Quyết định số 17344/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/12/2024 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH

4.2. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2019	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 304/QĐ-LĐTBXH ngày 09/01/2020 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH
2020	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 19.260/QĐ-SLĐTBXH ngày 19/12/2020 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH
2021	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 14845/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/12/2021 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH
2022	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 17200/QĐ-SLĐTBXH ngày 20/12/2022 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH
2023	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 22180/QĐ-SLĐTBXH ngày 20/12/2023 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH
2024	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quyết định số 17150 /QĐ-SLĐTBXH ngày 23/12/2024 của Giám đốc Sở Lao động - TBXH